

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2021
V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trần Văn Hải**

- Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Là Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên**.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, về việc “ *Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Duy T** – sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Thạnh Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N** - sinh năm 1992 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp A, xã Thạnh Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã Thạnh Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 22/02/2016. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không thấu hiểu lẫn nhau nhau nên thường xuyên cự cãi dù là những chuyện nhỏ nhặt nhất, lâu dần tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh và chị N đã ly thân với nhau từ tháng 5/2020 đến nay.

Hiện nay anh sống chung với cha mẹ và cùng gia đình làm máy xúc và lãnh xúc đất thuê cho các công trình, thu nhập trung bình một tháng của gia đình anh là 100.000.000đ/tháng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Ngọc Gia H – sinh ngày 29/12/2016

2. Nguyễn Ngọc Gia M - sinh ngày 27/10/2018

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Gia H đang sống chung với anh, còn cháu Nguyễn Ngọc Gia M đang sống chung với chị Nhiên.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Tân yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T yêu cầu được ly hôn với chị N.

- *Về quan hệ con chung:* Anh T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Gia H – sinh ngày 29/12/2016; xin giao cháu Nguyễn Ngọc Gia M - sinh ngày 27/10/2018 cho chị N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị

Hồng N tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng chị N đều không có mặt và không có lời trình bày.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa không lý do là chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70. Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Duy T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị N.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H – sinh ngày 29/12/2016 cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Gia M - sinh ngày 27/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Buộc anh Tân phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N đang cư trú tại ấp A, xã Thạnh Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Hồng N mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, phía anh T đồng ý xét xử vắng mặt chị N. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/02/2016 theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh, chị có nhiều quan điểm bất đồng, không thấu hiểu lẫn nhau, nên trong đời sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên cự cãi dù là những chuyện nhỏ nhặt, lâu dần tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và anh chị cũng đã ly thân với nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay. Ngoài ra, tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã cố gắng động viên cho vợ chồng anh chị về đoàn tụ chung sống để cùng nhau nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng phía anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh cương quyết ly hôn với chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân vợ chồng anh T, chị N không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình: “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,....”, điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng không khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ cho chị N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập chị N tham gia phiên tòa; nhưng chị N đều vắng mặt không có

lý do. Điều này chứng tỏ rằng chị N không có thiện chí muốn hòa giải để trở về tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Theo Biên bản xác minh ngày 14/12/2020 của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang thì đại diện Ban lãnh đạo ấp A, xã Thạnh Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cho biết là chị Nguyễn Thị Hồng N hiện không có mặt tại đại phương nhưng đôi ba tháng vẫn về thăm gia đình. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị N thì địa phương không biết vì không có ai trình báo.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị N có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H - sinh ngày 29/12/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Gia M - sinh ngày 27/10/2018. Hiện nay cháu Gia H đang sống chung với anh T, còn cháu Gia M đang sống chung với chị N.

Xét thấy, từ khi anh T, chị N ly thân cho đến nay thì cháu Gia H vẫn được anh T nuôi dưỡng, cháu Gia M vẫn được chị N nuôi dưỡng. Anh T xác định cả hai cháu vẫn được anh, chị nuôi dưỡng và phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; đồng thời, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con như hiện tại để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các con. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H – sinh ngày 29/12/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Gia M - sinh ngày 27/10/2018 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng, Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Duy T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H – sinh ngày 29/12/2016 cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục; tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Gia M - sinh ngày 27/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Duy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Duy T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H – sinh ngày 29/12/2016 cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Gia M - sinh ngày 27/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Nguyễn Duy T, chị Nguyễn Thị Hồng N được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Duy T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008009 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt